

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2020/HS-PT
Ngày 06 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị PH Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 17/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo Đặng Thị Bích H; Do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo:

Đặng Thị Bích H, sinh năm 1971, tại tỉnh Nghệ An; Thường trú: đường Th, phường Ph, thành phố Ph1, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: đường số 7, khu phố H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH D; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Quang Ngh (đã chết) và bà Trần Thị S (sinh năm 1938); Có chồng là Trần Quang B (sinh năm 1971) và 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/10/2018. (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Văn Kh – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- Bị hại: Công ty TNHH H

Địa chỉ: đường 30/4, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị D, sinh năm 1966 – Chức vụ:

Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thành T, sinh năm 1985 – Chức vụ: Chuyên viên pháp chế. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần dầu khí Đ.

Địa chỉ: đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 – Chức vụ: Tổng Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH H (Công ty H), có trụ sở tại số: đường 30/4, Phường 11, thành phố V, do bà Mai Thị D làm Giám đốc và Công ty TNHH D (Công ty D), địa chỉ số: đường số 7, khu phố H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, do Đặng Thị Bích H làm Giám đốc. Ngày 10/4/2018, Công ty H và Công ty D ký hợp đồng số 2/4/2018/HĐMBNL/MT-HL mua bán nhiên liệu mặt hàng dầu DO 0.05S-III, số lượng 5.000.000 lít, tổng trị giá 62,5 tỷ đồng, cam kết thời gian giao hàng từ ngày 20/4/2018 đến hết ngày 28/4/2018. Sau khi ký hợp đồng, Công ty H đã chuyển ngay 02 lần tiền cho Công ty D (ngày 20/4/2018) số tiền 12,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, hén thời hạn giao hàng, Công ty D vẫn không giao hàng theo hợp đồng.

Ngày 19/6/2018, Đặng Thị Bích H tiếp tục đến Công ty H xin tạm ứng thêm 07 tỷ đồng. Công ty H đồng ý và hai bên ký bổ sung phụ lục hợp đồng mua bán nhiên liệu số: 01/2018/PLHĐ/DKMT-HL nội dung: Công ty H đồng ý tạm ứng thêm 07 tỷ đồng cho Công ty D với điều kiện Công ty D giao hàng trong tháng 06/2018 và phải có chứng thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng của Ngân hàng bên Công ty D phát hành, với số tiền bảo lãnh tương ứng là 19,5 tỷ đồng cho Công ty H. Để chiếm đoạt được tiền và tạo niềm tin để Công ty H tiếp tục chuyển thêm 07 tỷ đồng vào, H đã liên hệ với đối tượng tên Phan Văn Th (Nam, chưa rõ lai lịch) làm giả 01 chứng thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng số 019/2018/NHNoN-BL-TT, số tham chiếu if 0238971486, số phát hành 139 ngày 19/6/2018 của Ngân hàng A Chi nhánh L, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền tương ứng 19,5 tỷ đồng đến giao cho Công ty H. Tin tưởng chứng thư là thật, cùng ngày, Công ty H ký 02 ủy nhiệm chi ngày 20/6/2018 chuyển cho Công ty D thêm 07 tỷ đồng. Tổng cộng số tiền Công ty H chuyển cho Công ty D là 19,5 tỷ đồng. Hết tháng 06/2018, Công ty H vẫn không nhận được dầu theo hợp đồng nên làm công văn gửi Ngân hàng A Chi nhánh L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng thì được Ngân hàng xác nhận chứng thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng số 019/2018/NHNoN-BL-TT, số tham chiếu if 0238971486, số phát hành 139 ngày 19/6/2018 là giả mạo. Đặng Thị Bích H chưa biết Công ty H phát hiện chứng thư H giao là giả và để Công ty H tiếp tục

tin tưởng. Ngày 29/6/2018, H với thủ đoạn trên, tiếp tục nhờ người tên Phan Văn Th (N) làm và giao 01 chứng thư giả số 020/2018/NHNoN-BL-TT, số tham chiếu if 0238971487, số phát hành 140 ngày 29/6/2018 của Ngân hàng A Chi nhánh L, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền ghi trong bảo lãnh là 39 tỷ đồng. Ngày 29/6/2018, Công ty H gửi đơn tố giác gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra (PC03) Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị xem xét hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đặng Thị Bích H.

Tại Bản kết luận giám định số 369/PC54-Đ3 ngày 10/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: “Chữ ký, dấu tên Nguyễn Thiện Th và con dấu tròn trên tài liệu cần giám định là 02 chứng thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng số 019/2018/NHNoN-BL-TT, số tham chiếu if 0238971486, số phát hành 139 ngày 19/6/2018 và chứng thư số 020/2018/NHNoN-BL-TT, số tham chiếu if 0238971487, số phát hành 140 ngày 29/6/2018 không phải chữ ký, dấu tên Nguyễn Thiện Th và con dấu tròn trên tài liệu mẫu thật của Ngân hàng A Chi nhánh L, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về việc thực hiện hợp đồng mua dầu giữa Công ty cổ phần dầu khí Đ với Công ty T (HK): Theo lời khai của Đặng Thị Bích H và ông Nguyễn Thanh T (Giám đốc Công ty Đ) thì vào khoảng giữa tháng 03/2018 qua giới thiệu của ông Johua Dũng H (K), mang quốc tịch Mỹ là người chuyên môi giới về lĩnh vực xăng dầu khu vực Châu Á. Ông K đã giới thiệu để H gặp ông M Cha - Giám đốc T HK, là đơn vị đại diện bán hàng cho nhà máy bán dầu ở bên Nga tại khu vực Châu Á. Sau khi qua Việt Nam khảo sát kho bãi, bàn bạc, xem xét về tính pháp lý của cả hai bên Công ty. H đã thống nhất đi đến việc ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu lô hàng 20.000 tấn với trị giá 7,2 triệu USD chưa kể thuế với Công ty T. Phía Công ty T đề nghị H chuyển trước tiền thuê tàu vận tải, số tiền dầu 7,2 triệu USD sẽ thanh toán sau khi có lịch trình tàu dầu về đến cảng Việt Nam. Do Công ty D không có giấy phép về xuất nhập khẩu xăng dầu, H đã liên hệ với Công ty cổ phần dầu khí Đ, địa chỉ: đường C, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, do Nguyễn Thanh T làm Giám đốc trực tiếp ký Hợp đồng mua bán dầu DO 0.05% sulphur số NFPI/QN- 522407-DIESEL-GAS-OIL-CIF; Mã số: NFPI/MROCL/U976/70P/18 ngày 05/04/2018. Hàng hóa là dầu DO Nga 0.05% sulphur, số lượng 240.000 tấn (MT) với giá 360,00 USD/tấn, tiến độ giao hàng 12 lần trong 12 tháng từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2019 (số lượng mỗi lần 20.000 tấn (MT)).

Ngày 15/5/2018 và ngày 05/6/2018, T FIK LIMITED (Bên bán) và Công ty cổ phần dầu khí Đ (Bên mua) ký hợp đồng điều chỉnh Điều 4 - Thời gian/Điều 7 - Quy trình chuyển/Ngân hàng và Điều 25 - Ngân hàng của Hợp đồng mua bán dầu DO 0.05% sulphur trên. Nội dung thỏa thuận sửa đổi chỉ dành cho lần đầu giao hàng. Công ty cổ phần dầu khí Đ (Bên mua) trả trước cho T HK LIMITED (Bên bán) phí vận tải hàng hóa: 580.705,00USD (mức ứng trước thanh toán lần đầu là 280.705,00 USD, mức thanh toán lần 2 là 300.000,00USD, bằng 255.667,00 EUR). Phí vận tải sẽ được chuyển vào tài

khoản số 016-494-475314076 Ngân hàng D Bank (Hong Kong) Limited, Mã Swift: DHBKHKHH, địa chỉ: M Tower, T Tsui, K, Hong Kong; bên thụ hưởng: T EIK LIMITED (Bên bán).

Phía Công ty Đ khai: Sau khi bị cáo H và Công ty Đ tiến hành khảo sát kho bãi, ký hợp đồng và ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh, chuyển tiền cho Công ty T thì giữa Công ty Đ có ký với Đặng Thị Bích H hợp đồng số 32/HĐMBXD/DKĐP ngày 05/4/2018 chuyển toàn bộ lô dầu D.O số lượng 24 triệu lít của Công ty Đ mua từ Công ty T. Nguồn gốc dầu do H thỏa thuận mua của Công ty T, việc thuê tàu chở hàng do H liên hệ. Công ty Đ thanh toán tiền thuê tàu chở dầu cho Công ty T sau khi Đặng Thị Bích H chuyển tiền cho Công ty Đ. Số tiền Đặng Thị Bích H chuyển cho Công ty Đ lần 1 là 6.414.200.000đ vào ngày 08/5/2018; lần 2 là 6.850.000.000đ ngày 20/6/2018 chuyển khoản qua Ngân hàng P. Sau đó, Công ty Đ chuyển số tiền trên cho Công ty T theo số tài khoản H cung cấp qua Ngân hàng P - Chi nhánh Sài Gòn theo lệnh chuyển tiền lần lượt với số tiền là: 280.705.000 USD (6.399.793.295đ) ngày 18/5/2018 và 255.667 EUR (6.777.732.170đ) ngày 26/6/2018. Đến thời điểm hiện tại, Công ty T vẫn chưa giao dầu cho Công ty D. Ngày 19/02/2019, Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã gửi ủy thác tư pháp về hình sự, qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu Cục Tư pháp Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tiến hành các hoạt động điều tra xác minh về Công ty T HK LIMITED, cũng như việc ký kết các hợp đồng, giao dịch mua bán nhiên liệu dầu DO 0,05% sulphur với Công ty cổ phần dầu khí Đ và Công ty D nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Bích H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Đặng Thị Bích H 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Đặng Thị Bích H 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Đặng Thị Bích H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2018.

2/. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 427 Bộ luật dân sự

năm 2015, tuyên xử:

Buộc Công ty cổ phần dầu khí Đ phải giao nộp lại số tiền: 13.177.525.465 đồng (mười ba tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) để trả cho Công ty TNHH H.

Buộc bị cáo Đặng Thị Bích H phải giao trả tiếp cho Công ty TNHH H số tiền 5.043.800.000 đồng (năm tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý các vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/12/2019, bị cáo Đặng Thị Bích H có đơn kháng cáo xin xem xét lại tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 16/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dầu khí Đ có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Thị Bích H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Công ty cổ phần dầu khí Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Đặng Thị Bích H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Trong tổng số tiền nhận của bị hại, bị cáo H đã chuyển cho Công ty cổ phần dầu khí Đ 13.264.200.000 đồng nên cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ phải hoàn trả số tiền trên cho người bị hại là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Bích H và Công ty cổ phần dầu khí Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư đồng ý với tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo về tội danh này. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền của bị hại; bị cáo có chậm trễ trong việc giao hàng cho bị hại nhưng đây chỉ là quan hệ dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Bích H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dầu khí Đ làm trong hạn luật định nên hợp lệ và được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dầu khí Đ có đơn kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty cổ phần dầu khí Đ.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Thị Bích H khai nhận đã thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án, các kết luận giám định, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Công ty TNHH D do Đặng Thị Bích H làm đại diện theo pháp luật ký kết hợp đồng mua bán dầu cho Công ty TNHH H. Sau khi ký hợp đồng Công ty H đã chuyển cho Công ty D 12.500.000.000 đồng để thực hiện hợp đồng; tuy nhiên đến thời hạn giao hàng, Công ty D không có hàng để giao như thỏa thuận. Để Công ty H tin tưởng tiếp tục chuyển tiền tạm ứng giao hàng, Đặng Thị Bích H đã liên hệ với đối tượng không rõ lai lịch, làm giả chứng thư bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng số 019/2018/NHNoN-BL-TT, số tham chiếu if 0238971486, số phát hành 139 ngày 19/6/2018 của Ngân hàng A Chi nhánh L, số tiền bảo lãnh 19.500.000.000 đồng. Tin tưởng chứng thư bảo lãnh trên, Công ty H đã chuyển tiếp cho bị cáo 7.000.000.000 đồng. Đến nay, Công ty H vẫn chưa nhận được dầu cũng như chưa thu hồi lại số tiền đã chuyển cho Công ty TNHH D.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Bích H:

Bị cáo thừa nhận có hành vi làm giả chứng thư bảo lãnh tuy nhiên cho rằng mình không có ý định chiếm đoạt tiền của người bị hại nên không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xét thấy, bị cáo đã có hành vi gian dối làm giả chứng thư bảo lãnh; bị hại chuyển số tiền 7.000.000.000 đồng cho bị cáo trên cơ sở tin tưởng chứng thư bảo lãnh của ngân hàng mà bị cáo đã làm giả. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã hoàn thành kể từ thời điểm bị hại chuyển số tiền 7.000.000.000 đồng.

Ngoài vụ án này, bị cáo còn có hành vi làm giả ủy nhiệm chi của Ngân hàng Á Châu chi nhánh Ph2 để lừa đảo chiếm đoạt tiền mua xăng của Công ty B. Hành vi của bị cáo đã bị xét xử theo Bản án hình sự phúc thẩm số 315/2020/HSPT ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo kháng cáo cho rằng bản thân không có ý định chiếm đoạt tiền của bị hại nên không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Thị Bích H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 15 năm tù về 02 tội danh nêu trên là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.3] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần dầu khí Đ:

Bị cáo Đặng Thị Bích H và Công ty cổ phần dầu khí Đ đều thừa nhận sau khi nhận số tiền 19.500.000.000 đồng của Công ty H, H đã chuyển cho Công ty Đ 02 lần, tổng cộng số tiền 13.264.200.000 đồng để mua dầu của Công ty T HK Limited. Đây là khoản tiền do bị cáo H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của Công ty H nên cần phải thu hồi trả cho người bị hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Công ty Đ cho rằng quá trình giải quyết vụ án cần phải có sự tham gia của Công ty Công ty T HK Limited. Xét thấy quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã có văn bản ủy thác tư pháp về hình sự yêu cầu Cục Tư pháp Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa điều tra, xác minh về Công ty T HK Limited nhưng chưa nhận được phản hồi; Công ty Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác để xác minh về Công ty T HK Limited. Hơn nữa, việc Công ty T HK Limited nhận tiền nhưng không giao dầu cho Công ty Đ là tranh chấp kinh doanh thương mại, Công ty Đ có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự.

Trong quá trình điều tra, Công ty Đ đã nộp khắc phục số tiền 86.674.535 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Đ tiếp tục trả lại cho Công ty H 13.177.525.465 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Bích H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dầu khí Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định tại mục [2.2].

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đặng Thị Bích H và Công ty cổ phần dầu khí Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Bích H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần dầu khí Đ.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2019/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Bích H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Đặng Thị Bích H 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Đặng Thị Bích H 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc Đặng Thị Bích H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 15 (mười lăm) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự phúc thẩm số 315/2020/HSPT ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 29 (hai mươi chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

Buộc Công ty cổ phần dầu khí Đ phải giao nộp lại số tiền: 13.177.525.465 đồng (mười ba tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) để trả cho Công ty TNHH H.

Buộc bị cáo Đặng Thị Bích H phải giao trả tiếp cho Công ty TNHH H số tiền 5.043.800.000 đồng (năm tỷ không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đặng Thị Bích H phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần dầu khí Đ phải chịu 300.000 đồng.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- TTG CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2);
- ĐS (2);
- Lưu VP (3), HS (2).16b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng